TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2436/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2299/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Mỹ N, sinh năm 1975.

Căn cước công dân số 079175002708 cấp ngày 17/5/2021.

Địa chỉ: 1 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Vinh Q, sinh năm 1970.

Căn cước công dân số 080070014426 cấp ngày 10/7/2021.

Địa chỉ: 1 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Mỹ N và ông Huỳnh Vinh Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 096, quyển số 01 ngày 25/8/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận B (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Mỹ N và ông Huỳnh Vinh Q.

2.2 Về con chung: Bà Huỳnh Mỹ N và ông Huỳnh Vinh Q có một con chung là Huỳnh Nhật D (nam), sinh ngày 12/10/2003 (đã thành niên).

2.3 Về tài sản chung: Bà Huỳnh Mỹ N và ông Huỳnh Vinh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2.4 Về nợ chung: Bà Huỳnh Mỹ N và ông Huỳnh Vinh Q xác nhận không có nợ chung.

2.5 Về án phí: Bà Huỳnh Mỹ N tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình là 150.000 (một trăm, năm mươi nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030916 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà Huỳnh Mỹ N số tiền 150.000 (một trăm, năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 5 - TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND phường Gia Định, TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Văn Thị Ngọc Mỹ